

Phụ lục 01

Cách xác định kích thước tàu cá và biểu mẫu thống kê báo cáo danh sách số lượng tàu cá
(Kèm theo Văn bản số: /SNNMT-CCBTS ngày /4/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hưng Yên)

1. Mẫu thống kê tàu cá có chiều dài dưới 6 mét

UBND (xã, phường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....ngày tháng năm 2026

SỐ LIỆU THỐNG KÊ TÀU CÁ CÓ CHIỀU DÀI LỚN NHẤT DƯỚI 06 MÉT THEO THÁNG/QUÝ/NĂM ...

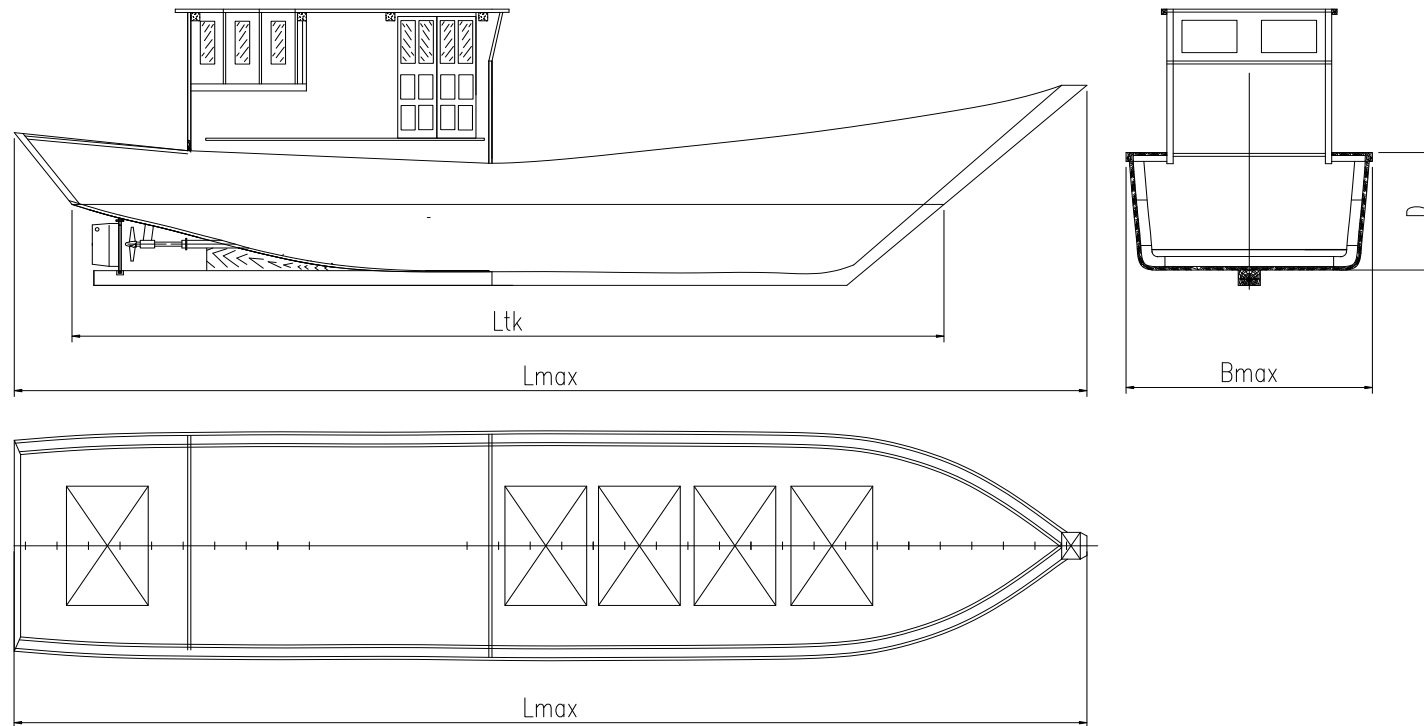
TT	Họ và tên chủ tàu	CCCD	Số đăng ký (nếu có)	Thông số cơ bản					Nghề khai thác	Ghi chú
				L _{max}	B _{max}	D	Ký hiệu máy chính	Công suất (KW)		
I	Tàu cá									
1										
2										
...										
II	Bè, mảng									
1										
2										
...	Tổng cộng									

Người lập

.....ngày tháng năm 202
Chủ tịch
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

2. Cách đo xác định kích thước của tàu cá

- Chiều dài lớn nhất ($L_{\max}$);
- Chiều Rộng lớn nhất ($B_{\max}$);
- Chiều cao mạn (D).



Phụ lục 02

(Kèm theo Văn bản số: /SNNMT-CCBTS ngày /4/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hưng Yên)

1. Hướng dẫn gắn số quản lý cho tàu có chiều dài lớn nhất nhỏ hơn 06 mét

- Số quản lý bao gồm 3 nhóm (tính từ trái sang phải), như sau:
- + Nhóm 1: Các chữ cái viết tắt tên xã, phường viết tắt gồm 02 chữ cái: VD xã Thái Thụy viết tắt **TT**
- + Nhóm 2: Gồm 05 số theo thứ tự từ 00001 đến 99999: Hai chữ số đầu là số thứ tự của xã, phường; 03 chữ số sau là số thứ tự do Ủy ban nhân dân cấp xã, phường quản lý và cấp cho các chủ tàu.
- + Nhóm 3: Gồm 02 chữ: “TS” (Thủy sản).
- VD: Xã Thái Thụy: TT-10001-TS

2. Quy định về màu sơn, kích thước của biển, chữ và số ghi trên biển.

- Biển nền màu trắng, kích thước 60 x 18 (cm)
 - Chữ và số ghi trên biển màu đen hoặc xanh đen,
 - Chiều cao chữ và số: 16 (cm); nét chữ không dưới 1,5 (cm).
 - Số đăng ký được viết hai bên mạn về phía mũi tàu, trường hợp tàu nhỏ không thể viết số đăng ký ở bên mạn phía mũi thì làm biển số gắn ở phía ngoài vách ca bin hoặc vách buồng ngủ, nếu tàu không có ca bin và buồng ngủ thì viết hoặc gắn vào bất kỳ vị trí nào của thân tàu, nơi dễ nhìn thấy.
-

Phụ lục 03.**Trang thiết bị an toàn (*) đối với tàu cá có chiều dài dưới 12 mét (**)**

(Kèm theo Văn bản số: /SNNMT-CCBTS ngày /4/2026
của Sở Nông nghiệp và Môi trường Hưng Yên)

	Tên thiết bị	Số lượng/quy cách	Vị trí lắp đặt
I	Trang bị cứu sinh		
1	Phao tròn	2 chiếc	02 bên mạn tàu
2	Phao áo	Đủ 100% thuyền viên + (Dự trữ 10% hoặc 1 cái)	Giường ngủ thuyền viên và cabin
II	Trang bị VTD		
1	Máy thu phát VHF hai chiều từ 15w trở lên	1 chiếc	Cabin
2	Máy thu chuyên dụng thông tin dự báo thiên tai (SSB) hoặc ra đi ô trực canh nghe thông báo thời tiết.	1 chiếc	Cabin
III	Trang bị hàng hải		
1	La bàn từ lái hoặc la bàn từ chuẩn	1 chiếc	Cabin
2	Dụng cụ đo sâu bằng tay (dây, sào đo)	1 chiếc	-
IV	Trang bị tín hiệu		
1	Đèn mạn		
	+ Xanh	1 đèn	Mạn phải
	+ Đỏ	1 đèn	Mạn trái
2	Đèn cột (trắng) chiếu 04 phía	1 đèn	Mặt phẳng dọc tâm tàu
3	Đèn hiệu đánh cá: Xanh, đỏ, trắng	Khuyến khích trang bị	
4	Vật hiệu đánh cá: Hình nón đen	Khuyến khích trang bị	
V	Trang bị cứu hoả		
3	Chăn 1,2 mét x 2 mét	1 chiếc	
4	Xô 5 lít có dây	1 chiếc	
VI	Trang bị chống đắm, chống tửng		
1	Nệm gỗ	05 đến 10 chiếc	Chỗ dễ lấy
2	Giẻ lau	02 kg	Chỗ dễ lấy
3	Vải bạt	Khuyến khích trang bị	
VII	Trang bị y tế		
	Túi thuốc cấp cứu	Khuyến khích trang bị	

Chú thích: (*) Trang thiết bị an toàn phải thỏa mãn yêu cầu kỹ thuật quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang bị an toàn tàu cá - QCVN 02- 21:2015/BNNMT.

(**) Đối với tàu có chiều dài dưới 06 mét phải trang bị thiết bị cứu sinh (phao tròn, phao áo) và đèn tín hiệu hành trình màu xanh - đỏ (có thể ghép chung về 02 phía của 01 đèn); các yêu cầu khác không bắt buộc trang bị..